

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101482060 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/12/2010.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: INDUSTRIAL CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOIN STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ICIC

Trụ sở chính: Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sàn giao dịch UPCOM. Mã cổ phiếu: ICI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Phương Thịnh	Chủ tịch
Ông Đàm Xuân Vũ	Ủy viên
Ông Trần Văn Khiên	Ủy viên
Ông Trương Quang Dũng	Ủy viên
Ông Trần Gia Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Đàm Xuân Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Khiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Kiên Giang	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Chế độ kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Dàm Xuân Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số: 276/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		444.352.624.134	368.937.229.492
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.682.541.986	26.265.650.418
1. Tiền	111	5.1	31.682.541.986	26.265.650.418
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	23.040.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	8.000.000.000	23.040.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.330.987.018	168.242.488.699
1. Phải thu khách hàng	131		141.188.228.978	125.293.882.628
2. Trả trước cho người bán	132		7.005.265.781	15.834.085.028
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	95.384.155.354	30.875.059.027
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.246.663.095)	(3.760.537.984)
IV- Hàng tồn kho	140		162.859.836.386	150.921.384.180
1. Hàng tồn kho	141	5.4	162.859.836.386	150.921.384.180
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.479.258.744	467.706.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.853.472	4.986.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	916.210.391	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	552.194.881	462.719.831
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		59.115.204.288	24.608.604.687
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		23.195.611.460	14.189.186.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	20.023.356.932	13.728.075.189
Nguyên giá	222		40.660.247.113	34.571.645.111
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.636.890.181)	(20.843.569.922)
3. Tài sản cố định vô hình	227		3.082.709.074	128.871.000
Nguyên giá	228		3.082.709.074	128.871.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		89.545.454	332.240.534
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	12.662.000.000	7.310.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.162.000.000	3.900.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.500.000.000	1.410.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		23.257.592.828	3.109.417.964
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	23.177.465.615	2.884.733.761
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		80.127.213	224.684.203
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		503.467.828.422	393.545.834.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		457.956.961.982	356.669.921.731
I- Nợ ngắn hạn	310		442.916.351.181	335.413.794.416
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	91.311.047.577	46.956.018.386
2. Phải trả người bán	312		122.514.203.328	109.963.119.230
3. Người mua trả tiền trước	313		150.357.446.018	126.373.502.277
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	17.434.048.749	18.690.859.642
5. Phải trả người lao động	315		1.837.454.600	1.838.793.800
6. Chi phí phải trả	316	5.12	1.537.298.284	1.246.073.720
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	57.626.747.917	30.055.457.681
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		298.104.708	289.969.680
II- Nợ dài hạn	330		15.040.610.801	21.256.127.315
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	9.535.040.380	14.082.787.686
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.017.280.284	764.295.933
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.15	3.207.258.590	3.207.258.590
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.16	1.281.031.547	3.201.785.106
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		45.510.866.440	36.875.912.448
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	45.510.866.440	36.875.912.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		758.266.000	408.266.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.830.000	154.694.730
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.037.500.000	750.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	20.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.713.270.440	5.542.951.718
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		503.467.828.422	393.545.834.179



Dâm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	610.310.292.102	504.990.066.093
2. Các khoản giảm trừ	02	5.18	-	7.507.067
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.18	610.310.292.102	504.982.559.026
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	584.615.601.660	479.113.020.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.694.690.442	25.869.538.680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	4.754.750.679	3.110.406.622
7. Chi phí tài chính	22	5.20	4.253.515.940	2.845.987.712
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.486.799.576	1.526.376.259
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	56.954.544	442.602.908
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	18.831.891.332	18.819.472.481
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.307.079.305	6.871.882.201
11. Thu nhập khác	31	5.23	4.875.110.665	2.767.252.965
12. Chi phí khác	32	5.23	3.746.459.372	949.284.541
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.128.651.293	1.817.968.424
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.435.730.598	8.689.850.625
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.854.663.159	820.990.142
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		144.556.990	293.723.332
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.436.510.449	7.575.137.151
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	2.132	3.709



Đàm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	8.435.730.598	8.689.850.625
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.277.936.403	3.110.201.705
- Các khoản dự phòng	03	(513.874.889)	54.226.548
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.619.904.140)	(3.525.613.484)
- Chi phí lãi vay	06	3.486.799.576	1.526.376.259
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	11.066.687.548	9.855.041.653
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(49.290.545.541)	(18.594.158.161)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(11.938.452.206)	(4.679.106.395)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	62.157.782.485	(42.621.661.829)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(20.298.598.962)	(1.192.938.228)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.486.799.576)	(1.526.376.259)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(644.017.824)	(2.647.427.037)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	58.192.500	1.032.828.365
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(198.301.252)	(840.565.373)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.574.052.828)	(61.214.363.264)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(13.976.398.993)	(10.738.766.156)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	865.153.461	415.206.862
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(186.640.000.000)	(22.460.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	171.600.000.000	45.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.352.000.000)	(2.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.754.750.679	3.110.406.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.748.494.853)	13.826.847.328
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	10.000.000.000	10.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113.835.373.196	83.322.415.537
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.028.091.311)	(52.151.736.993)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.067.842.636)	(3.898.447.953)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.739.439.249	37.272.230.591
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	5.416.891.568	(10.115.285.345)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.265.650.418	36.380.935.763
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31.682.541.986	26.265.650.418



Đàm Xuân Vũ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được Cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 16/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101482060 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/12/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.440.000	14.400.000.000	36%
Các Cổ đông khác	2.560.000	25.600.000.000	64%
Cộng	4.000.000	40.000.000.000	100%

Các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới Xây dựng - ICIC	Công ty liên kết	25%	25%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	Công ty liên kết	20%	20%

Các Xí nghiệp và Chi nhánh của Công ty gồm:

- Xí nghiệp Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Xây dựng số 5
- Xí nghiệp Xây dựng số 7
- Xí nghiệp Xây dựng số 9
- Xí nghiệp Xây dựng số 18
- Xí nghiệp Cơ giới xây dựng (Chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới Xây dựng - ICIC từ ngày 15/09/2010).
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh
- Trường Bồi túc Văn hóa Dạy nghề

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng - hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn
- Thiết kế công trình kỹ thuật;
- Thiết kế công trình giao thông;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn đầu thầu, tư vấn quản lý dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng;
- Thí nghiệm kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;
- Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng;
- Thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư;
- Sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện;

Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh chính của Công ty xây dựng các công trình dân dụng, nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên/kiểm kê định kỳ và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

+ Một số tài sản mua mới hoặc đầu tư mới, thời gian khấu hao bằng 1/2 thời gian khấu hao tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Một số tài sản như Trạm trộn bê tông Thái Nguyên, Công ty thực hiện khấu hao theo sản phẩm căn cứ vào công suất thiết kế và thời gian theo quy định của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty Mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty Mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tại Báo cáo riêng của Công ty Mẹ, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty Mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty phản ánh các khoản góp vốn liên doanh hình thành cơ sở đồng kiểm soát theo phương pháp giá gốc tại báo cáo riêng của Công ty Mẹ.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí dự án chờ phân bổ và các khoản chi phí khác.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của Hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.546.037.385	1.833.758.715
Tiền gửi ngân hàng	30.136.504.601	24.431.891.703
Tổng	31.682.541.986	26.265.650.418

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	23.040.000.000
Tổng	8.000.000.000	23.040.000.000

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu về cổ phần hóa	2.017.137	7.600.000
Phải thu các đội và chủ nhiệm công trình tại văn phòng Công ty	1.474.617.767	2.321.999.747
Dư nợ tài khoản 3388 tại Văn phòng Công ty	29.005.069.653	8.845.860.950
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24	3.924.655.026	5.932.722.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng	24.477.180.273	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	-	2.717.270.450
- Các khoản phải trả khác tại VPCT	603.234.354	195.868.500
Phải thu các đội và chủ nhiệm công trình tại các Xí nghiệp và Chi nhánh (theo quy chế của Xí nghiệp)	57.398.374.084	17.337.699.972
Các khoản phải thu của CBCNV	35.633.774	12.138.283
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	348.295.531	288.554.735
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng	117.544.037	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24	754.103.272	-
Các khoản phải thu khác	6.248.500.099	2.061.205.340
Tổng	95.384.155.354	30.875.059.027

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công cụ, dụng cụ	126.450.254	3.876.140.451
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	162.733.386.132	143.871.753.192
Hàng hóa	-	3.173.490.537
Tổng	162.859.836.386	150.921.384.180

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 Thuế GTGT được khấu trừ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	916.210.391	-
Tổng	916.210.391	-

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	541.194.881	259.456.839
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.000.000	203.262.992
Tổng	552.194.881	462.719.831

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	4.530.606.152	16.396.578.960	12.550.454.648	1.094.005.351	34.571.645.111
Tăng trong năm	2.629.969.091	3.427.030.251	7.709.154.240	210.245.411	13.976.398.993
Mua trong năm	-	3.427.030.251	7.709.154.240	210.245.411	11.346.429.902
XDCB hoàn thành	2.629.969.091	-	-	-	2.629.969.091
Giảm trong năm	-	4.271.158.364	3.506.291.936	110.346.691	7.887.796.991
Thanh lý, nhượng bán	-	3.896.002.363	1.534.738.810	-	5.430.741.173
Giảm khác	-	375.156.001	1.971.553.126	110.346.691	2.457.055.818
Tại ngày 31/12	7.160.575.243	15.552.450.847	16.753.316.952	1.193.904.071	40.660.247.113
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	3.075.590.550	9.827.293.175	7.100.544.884	840.141.313	20.843.569.922
Tăng trong năm	658.899.885	2.633.162.113	1.816.524.154	169.350.251	5.277.936.403
Khấu hao trong năm	658.899.885	2.633.162.113	1.816.524.154	169.350.251	5.277.936.403
Giảm trong năm	-	4.138.056.694	1.273.047.368	73.512.082	5.484.616.144
Thanh lý, nhượng bán	-	3.896.002.363	628.072.143	-	4.524.074.506
Giảm khác	-	242.054.331	644.975.225	73.512.082	960.541.638
Tại ngày 31/12	3.734.490.435	8.322.398.594	7.644.021.670	935.979.482	20.636.890.181
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	1.455.015.602	6.569.285.785	5.449.909.764	253.864.038	13.728.075.189
Tại ngày 31/12	3.426.084.808	7.230.052.253	9.109.295.282	257.924.589	20.023.356.932

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2010 là: 11.813.482.523 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	6.162.000.000	3.900.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 ^(a)	6.162.000.000	3.900.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.500.000.000	1.410.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng	2.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3	2.000.000.000	1.410.000.000
Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON ^(b)	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	12.662.000.000	7.310.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư

Công ty con	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 - ICIC	Công ty con	65%	65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới Xây dựng - ICIC	Công ty liên kết	25%	25%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	Công ty liên kết	20%	20%

(a) Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24 thực hiện tăng vốn từ các quỹ thuộc vốn Chủ sở hữu, giá trị vốn góp được phân phối tăng thêm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp là 338.000.000 đồng (tương ứng 33.800 cổ phiếu). Tại 31/12/2010 giá trị khoản đầu tư vào Công ty con không bao gồm giá trị số cổ phiếu tăng thêm này.

(b) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON tỷ lệ sở hữu 5% vốn điều lệ tương đương 200.000 Cổ phần.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí dự án chờ phân bổ	19.741.499.121	1.330.044.488
Chi phí Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.435.966.494	1.554.689.273
Tổng	23.177.465.615	2.884.733.761

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	71.252.541.727	42.452.779.430
Vay huy động vốn của các cá nhân	18.058.505.850	2.364.264.664
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	2.138.974.292
Tổng	91.311.047.577	46.956.018.386

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐ ngày 21/05/2010 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay 80.000.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm. Mục đích bổ sung vốn lưu động thường xuyên cho toàn Công ty và các Xí nghiệp có đảm bảo bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.198.505.874	17.917.826.801
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.802.778.301	592.132.966
Thuế thu nhập cá nhân	107.566.364	50.500.622
Các loại thuế khác	168.060.324	68.254.550
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	157.137.886	62.144.703
Tổng	17.434.048.749	18.690.859.642

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí phải trả Dự án NM XM Thái Nguyên	1.106.772.618	1.106.772.618
Lãi vay phải trả Ngân hàng & các đối tượng khác	430.525.666	123.301.102
Các khoản chi phí phải trả khác	-	16.000.000
Tổng	1.537.298.284	1.246.073.720

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	69.570.187	113.311.204
Bảo hiểm y tế	32.375.597	-
Bảo hiểm xã hội	163.402.855	-
Phải trả về cổ phần hóa	560.570.000	560.570.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.800.829.278	29.381.576.477
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 24</i>	<i>25.989.820.824</i>	<i>4.149.203.541</i>
<i>Ngân hàng ĐT & PT CN Hà Nội</i> <i>(Phí bảo lãnh)</i>	<i>1.006.834.817</i>	<i>1.306.859.485</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp ICIC 3</i>	<i>7.470.192.470</i>	<i>11.709.015.083</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng</i>	<i>16.762.054.240</i>	-
<i>Phải trả Khối lượng Trường Cao đẳng Kinh tế</i>	-	<i>9.250.000.000</i>
<i>Phải trả đội và các chủ nhiệm Công trình</i>	<i>4.599.162.654</i>	<i>1.112.675.777</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>972.764.273</i>	<i>1.853.822.591</i>
Tổng	57.626.747.917	30.055.457.681

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	5.999.999.969	8.435.216.928
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hà Nội ⁽¹⁾	5.999.999.969	7.999.999.969
Ngân hàng ANZ	-	435.216.959
Nợ dài hạn (GTCL của TSCĐ các XN & Đội)	3.535.040.411	5.647.570.758
Xí nghiệp cơ giới xây dựng	-	658.406.869
Xí nghiệp xây dựng số 4	175.328.669	175.328.669
Xí nghiệp xây dựng số 18	2.425.687.421	2.381.013.503
Xí nghiệp xây dựng số 1	685.905.595	1.891.142.133
Văn phòng Công ty	53.869.610	56.204.231
Xí nghiệp xây dựng số 5	99.306.818	304.290.222
Xí nghiệp xây dựng số 7	94.942.298	181.185.131
Tổng	9.535.040.380	14.082.787.686

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng trung hạn Số 01/2009/ HĐTDTH ngày 24/12/2009 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn mua thiết bị của dự án đầu tư máy móc thiết bị thi công năm 2009, theo quyết định số 198/QĐ-HDQT ngày 08/11/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp.

5.15 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	3.183.586.772	3.183.586.772
Dự phòng phải trả (TTTTV)	23.671.818	23.671.818
Tổng	3.207.258.590	3.207.258.590

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công trình nhà ở Lạng Sơn (Xí Nghiệp 7)	1.281.031.547	3.128.137.795
Chi phí đào tạo bổ túc văn hóa	-	73.647.311
Tổng	1.281.031.547	3.201.785.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn góp thực tế	
	Cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.440.000	14.400.000.000	36%	14.400.000.000	10.800.000.000
Các cổ đông khác	2.560.000	25.600.000.000	64%	25.600.000.000	19.200.000.000
Tổng	4.000.000	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	30.000.000.000

Giao dịch vốn chủ sở hữu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.800.000.000	3.898.447.953

Cổ phiếu

	Năm 2010 Cổ phiếu	Năm 2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Tại 01/01/2009	20.000.000.000	391.386.000	(844.000.000)	300.000.000	500.000.000	15.000.000	5.465.542.582
Tăng trong năm	10.000.000.000	16.880.000	-	1.907.514.730	250.000.000	170.000.000	7.575.137.151
Tăng vốn	10.000.000.000	16.880.000	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận 2008	-	-	-	1.907.514.730	250.000.000	170.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế 2009	-	-	-	-	-	-	7.575.137.151
Giảm trong năm	-	-	844.000.000	2.052.820.000	-	165.000.000	7.497.728.015
Phân phối lợi nhuận 2008	-	-	-	-	-	-	2.434.440.953
Phân phối lợi nhuận 2009	-	-	-	-	-	-	1.464.007.000
Trích lập quỹ & khác	-	-	844.000.000	2.052.820.000	-	165.000.000	3.189.527.881
Điều chỉnh theo QTT	-	-	-	-	-	-	409.752.181
Tại 31/12/2009	30.000.000.000	408.266.000	-	154.694.730	750.000.000	20.000.000	5.542.951.718
Tại 01/01/2010	30.000.000.000	408.266.000	-	154.694.730	750.000.000	20.000.000	5.542.951.718
Tăng trong năm	10.000.000.000	350.000.000	-	2.245.305.270	287.500.000	170.000.000	6.443.981.933
Tăng vốn	10.000.000.000	350.000.000	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	2.245.305.270	287.500.000	170.000.000	-
Lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	-	6.436.510.449
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	7.471.484
Giảm trong năm	-	-	-	2.398.170.000	-	190.000.000	8.273.663.211
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	3.473.663.211
Phân phối lợi nhuận 2009	-	-	-	-	-	-	1.632.000.000
Phân phối lợi nhuận 2010	-	-	-	-	-	-	1.440.000.000
Bổ sung vốn từ cổ tức	-	-	-	-	-	-	1.728.000.000
Chia CP thường & khác	-	-	-	2.398.170.000	-	190.000.000	-
Tại 31/12/2010	40.000.000.000	758.266.000	-	1.830.000	1.037.500.000	-	3.713.270.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 Doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	610.310.292.102	504.990.066.093
Tổng	610.310.292.102	504.990.066.093
Các khoản giảm trừ	-	7.507.067
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (XN9)	-	7.507.067
Doanh thu thuần	610.310.292.102	504.982.559.026

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng bán	584.615.601.660	479.113.020.346
Tổng	584.615.601.660	479.113.020.346

5.20 Doanh thu/ Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.410.917.606	1.488.702.307
Tiền gửi có kỳ hạn	233.895.764	323.584.374
Lãi cho vay và lãi chậm nộp nhận được	218.860.200	202.052.336
Lãi tiền ký quỹ tại Ngân hàng	466.559.900	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	585.000.000	585.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.839.517.209	511.067.605
Tổng	4.754.750.679	3.110.406.622
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	3.486.799.576	1.526.376.259
Chi phí tài chính khác	766.716.364	1.319.611.453
Tổng	4.253.515.940	2.845.987.712
Doanh thu tài chính thuần	501.234.739	264.418.910

5.21 Chi phí bán hàng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí bảo hành	-	280.262.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.000.000	1.500.000
Chi phí quảng cáo tiếp thị	49.954.544	160.840.363
Tổng	56.954.544	442.602.908

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.008.297.683	6.491.557.498
Chi phí vật liệu quản lý	59.721.718	211.116.916
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.569.734	137.002.931
Chi phí dự phòng	171.912.000	582.861.631
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.104.461.486	772.637.590
Chi phí thuế phí và lệ phí	107.111.624	765.807.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.002.470.063	2.421.212.234
Chi phí bằng tiền khác	8.222.347.024	7.437.276.546
Tổng	18.831.891.332	18.819.472.481

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	2.626.681.316	1.289.948.517
Hoàn nhập dự phòng	646.550.530	528.635.083
Tiền sử dụng thương hiệu	949.126.390	739.266.360
Thu nhập khác	652.752.429	209.403.005
Tổng	4.875.110.665	2.767.252.965
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.761.527.855	874.741.655
Chi phí khác	1.984.931.517	74.542.886
Tổng	3.746.459.372	949.284.541
Thu nhập khác thuần	1.128.651.293	1.817.968.424

5.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.435.730.598	8.689.850.625
Điều chỉnh tăng	146.150.000	75.782.083
Điều chỉnh giảm	1.163.227.963	2.934.786.658
Lợi nhuận chịu thuế	7.418.652.635	5.830.846.050
Lợi nhuận từ chuyển quyền sử dụng đất	-	737.075.093
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	184.268.773
Lợi nhuận hoạt động khác	7.418.652.635	5.093.770.957
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.854.663.159	1.273.442.740
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.854.663.159	1.457.711.513
Thuế TNDN được giảm	-	636.721.371
Tổng	1.854.663.159	820.990.142

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận / lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.436.510.449	7.575.137.151
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận / lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.436.510.449	7.575.137.151
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.436.510.449	7.575.137.151
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.019.178	2.042.168
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.132	3.709

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</u>	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc	725.124.000	526.050.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<u>Giao dịch bán</u>			
Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tổng Công ty	-	3.182.446.092
- Cung cấp dầu	Bán hàng	-	606.246.364
- Than và Phụ gia	Bán hàng	-	972.205.455
- Trạm xử lý nước	Bán hàng	-	846.489.091
- Dầu mỡ và gạch chịu lửa	Bán hàng	-	15.747.273
- Trạm đập đá vôi, đá sét	Bán hàng	-	741.757.909
<u>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24</u>	<u>Mua hàng</u>	57.619.319.936	24.383.644.785

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<u>Phải trả khác</u>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24	Công ty con	25.989.820.824	5.342.802.273
- Khối lượng giao khoán (Dự có 138)		5.198.796.991	5.198.796.991
- Các khoản ký quỹ công trình		200.000.000	144.005.282
- Dự có TK3388		20.591.023.833	-
<u>Các khoản phải thu khác</u>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 24	Công ty con	4.985.070.704	1.805.593.450
- Phải trả cổ tức		292.500.000	292.500.000
- Tiền phí bảo lãnh, tiền bê tông, lãi, khác		46.883.072	121.755.238
- Tiền lãi năm 2007 phải nộp		296.402.977	390.708.583
- Tiền vay		194.629.629	244.629.629
- Phí thương hiệu		230.000.000	-
- Dự nợ TK3388		3.924.655.026	756.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Đàm Xuân Vũ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Tuyết Minh

Người lập biểu

